

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 8,06ha) tại mỏ 211 xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Anh Quân Phát

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1904/SNNMT-CCBVMT ngày 16/05/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 8,06ha) tại mỏ 211 xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Anh Quân Phát;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 8,06ha) tại mỏ 211 xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 30/CV-AQP ngày 05/6/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Anh Quân Phát;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 500/TTr-SNNMT ngày 05/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo ĐTM của dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Anh Quân Phát (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại mỏ 211 xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo

vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ NNMT (để b/c);
- CT, PCT TT: N.T.Thanh;
- Sở NNMT;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND huyện Tuy Phước;
- CVP UBND tỉnh;
- UBND xã Phước Thành;
- Lưu: VT, K4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP (DIỆN TÍCH 8,06HA) TẠI
XÃ PHƯỚC THÀNH, HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ANH QUÂN PHÁT

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2025
của UBND tỉnh Bình Định).

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 8,06ha).
- Địa điểm thực hiện: mỏ 211 xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Anh Quân Phát.
- Địa chỉ liên hệ: cụm 3, xã Liên Trung, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: 024 33255324

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích dự án: 8,06ha.
- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).
- Trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác theo Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 10/3/2025 của UBND tỉnh Bình Định là 558.343m³ đất địa chất; trong đó, trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác là 479.430 m³ đất địa chất. Thời hạn khai thác 02 năm với công suất khai thác hàng năm cụ thể như sau:

- + Năm thứ 1: 231.230 m³ đất địa chất/năm.
- + Năm thứ 2: 248.200 m³ đất địa chất/năm.

1.3. Trình tự và phương pháp khai thác:

- Trình tự khai thác: Khu vực phê duyệt trữ lượng có diện tích 8,06ha được chia làm 02 khoảnh khai thác. Thực hiện khai thác, san gạt theo hình thức cuốn chiếu lần lượt từng khoảnh và trồng cây phục hồi môi trường theo tiến độ kết thúc khai thác từng năm.
- Phương pháp khai thác: Vị trí mở vỉa đầu tiên tại phần diện tích có cao độ

cos +95m phía Đông Bắc mở (điểm góc số 2), thực hiện khai thác theo hướng từ trên xuống dưới. Kết thúc khai thác, địa hình mở thoải dần từ độ cao +93m đến +25m theo hướng từ Đông sang Tây (cao hơn cos địa hình hiện trạng mặt bằng phía hạ lưu, đảm bảo thoát nước). Sử dụng máy đào có dung tích gầu 1,25m³ để khai thác và xe 12 tấn để vận chuyển đất đến công trình. Xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án:

- Công trình bảo vệ môi trường:

+ 03 hố giảm tốc (phía Tây Nam, phía Tây, phía Tây Bắc).

+ Hệ thống mương thu gom nước mưa xung quanh mỏ có tổng chiều dài 400m; mương dọc hai bên tuyến đường vận chuyển nội bộ mỏ có tổng chiều dài 1.954m.

+ Hệ thống mương thoát nước sau 03 hố giảm tốc có tổng chiều dài khoảng 20m.

- Tuyến đường giao thông trong mỏ:

+ Tuyến đường tạm trong mỏ có tổng chiều dài khoảng 977m, kết hợp làm các mương thoát nước dọc tuyến đường.

- Khu vực phụ trợ phía Tây nằm trong ranh giới mỏ, diện tích khoảng 900m²: bố trí khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại, nhà vệ sinh di động, bãi tập kết xe.

- Bãi lưu chứa đá thải tạm tại vị trí khai thác từng năm có diện tích khoảng 830m².

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Quá trình khai thác đất: nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, phát sinh chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ các thiết bị khai thác; nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ, sa bồi các dòng chảy và hạ lưu.

- Hoạt động khai thác, vận chuyển đất làm phát sinh bụi, gây nguy cơ hư hỏng các tuyến đường và mất an toàn giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án

3.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân phát sinh khoảng $2,432\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng $26.629\text{ m}^3/\text{ngày}$, tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn là 24,06 ha.

3.2. Bụi, khí thải: phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển đất đến các công trình.

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 5 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy, gây mùi hôi.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 10 kg/năm.

- Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải 16 01 06) khoảng 2kg/năm.

3.4. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi san lấp.

3.5. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: hoạt động khai thác đất gây nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ ảnh hưởng đến hạ lưu khu vực dự án, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải.

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực phụ trợ. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý.

4.1.2. Xử lý nước mưa chảy tràn

- Hệ thống mương thu nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ có tổng chiều dài khoảng 400m, kích thước: Rộng 2,0m x Sâu 1,0m; mương thu gom nước mưa chảy tràn hai bên tuyến đường nội bộ mỏ có chiều dài 1.954m, kích thước: Rộng 0,5m x Sâu 0,5m. Các mương có kết cấu là mương đất hờ, được gia cố đảm bảo.

- Hồ giảm tốc số 1 phía Tây Nam dự án có tọa độ $X=1.520.679$, $Y = 595.051$ (Theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3^0 , kinh tuyến trực $108^015'$), thể tích khoảng 1.080 m^3 (diện tích 360m^2 , sâu 3m). Kết cấu các hồ giảm tốc được gia cố bằng đất đầm chặt kết hợp rọ đá.

- Hồ giảm tốc số 2 phía Tây khu vực dự án có tọa độ $X=1.520.760$,

$Y=594.979$ (Theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiều 3^0 , kinh tuyến trực $108^015'$), thể tích khoảng $2.310m^3$ (diện tích $770m^2$, sâu 3m). Kết cấu các hố giảm tốc được gia cố bằng đất đầm chặt kết hợp rọ đá.

- Hố giảm tốc số 3 phía Tây Bắc khu vực dự án có tọa độ $X=1.520.961$, $Y=594.857$ (Theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiều 3^0 , kinh tuyến trực $108^015'$), thể tích khoảng $330m^3$ (diện tích $110m^2$, sâu 3m). Kết cấu các hố giảm tốc được gia cố bằng đất đầm chặt kết hợp rọ đá.

- Quy trình thu gom, xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn phía Đông Nam khu vực dự án → Mương thu nước phía Nam và phía Tây khu mở → Hố giảm tốc số 1 phía Tây Nam (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → Suối cạn phía Tây dự án.

+ Nước mưa chảy tràn phía Đông khu vực dự án → Mương thu nước phía Tây khu mở → Hố giảm tốc số 2 phía Tây (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → Suối cạn phía Tây dự án.

+ Nước mưa chảy tràn phía Đông Bắc khu vực dự án → Mương thu nước phía phía Bắc và phía Tây khu mở → Hố giảm tốc số 3 phía Tây Bắc (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → Suối cạn phía Tây dự án.

+ Nước mưa phía Bắc tuyến đường nội bộ mở → hố giảm tốc phía Tây mở (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → suối cạn phía Tây dự án.

+ Nước mưa phía Nam tuyến đường nội bộ mở → hố giảm tốc phía Tây Nam mở (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → suối cạn phía Tây dự án.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi

- Phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, thực hiện giải pháp gạt đất bánh xe trước khi ra ngoài và che chắn, không để rơi vãi đất trong quá trình vận chuyển.

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển (đoạn qua khu dân cư) và tăng cường vào mùa nắng.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

Lượng đá lẫn phát sinh trong quá trình khai thác khoảng 2.482m^3 , có kích thước dao động từ $0,2\text{m}^3 \div 3,5\text{m}^3$. Thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn đối với đá lẫn có kích thước lớn từ $2,0\text{m}^3$ trở lên và đối với đá lẫn kích thước nhỏ sẽ bố trí bãi lưu chứa có diện tích khoảng 830m^2 có kè chắn đảm bảo trên phạm vi diện tích khai thác hàng năm và sử dụng san lấp hố giảm tốc, phục hồi môi trường tại khu vực dự án sau khi kết thúc khai thác.

4.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường san gạt theo trình tự cuốn chiếu hàng năm và trồng cây phục hồi môi trường vào kết thúc khai thác hàng năm. Các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường cụ thể như sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I	Khu vực khai thác				
1.	Cấm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	cái	4	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi tiến hành khai thác
2.	San gạt mặt bằng mỏ	m^3	7.254	Tạo bề mặt bằng phẳng, thoải về phía Tây (hạ lưu) thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây.	Thực hiện theo hình thức cuốn chiếu, khai thác đến đâu tiến hành san gạt đến đó. Hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc hàng năm.
3.	San lấp nương thu gom nước mưa và hố giảm tốc	m^3	4.972	Trả lại hiện trạng ban đầu	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác
4.	Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động	m^2	20		

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
5.	Tháo dỡ 16 cống thoát nước có đường kính Ø1000mm	Cầu kiện	16		Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hằng năm.
6.	Tháo dỡ kè chắn nước phía Tây	m ³	20		
7.	Tháo dỡ kè chắn bãi thải tạm lưu chứa đá lán	m ³	64		
8.	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực mỏ	ha	8,06	Phủ xanh khu vực khai thác	Sau khi kết thúc khai thác
9.	Đo vẽ địa hình khu mỏ	ha	8,06	Giám sát độ sâu khai thác	Sau khi kết thúc san gạt mặt bằng
II	Ngoài khu vực khai thác				
1.	Cải tạo tuyến đường hiện trạng vào khu vực dự án	m ³	18	Đảm bảo kết cấu tuyến đường phục vụ cho hoạt động đi lại	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác
2.	San lấp mương thoát nước mưa	m ³	44	Trả lại hiện trạng ban đầu	

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **1.310.244.000 đồng** (Một tỷ ba trăm mười triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 02 lần, thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 327.561.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Lần còn lại, số tiền: 982.683.000 đồng, thời điểm ký quỹ: thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn.

- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2025.

Trường hợp chủ dự án không nộp hoặc nộp chậm tiền ký quỹ theo thời hạn nêu trên thì sẽ bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện khai thác đến đâu bóc lớp đất tầng phủ đến đó, tạo bờ dè xung quanh khu vực mỏ nhằm giảm thiểu sạt lở trong quá trình khai thác.
- Xây dựng kè chắn nước phía Tây tại đoạn suối phía trong ranh giới mỏ có chiều dài khoảng 40m, kích thước kè: Rộng 0,5m x Cao 1,0m. Kè có kết cấu bằng đá chẻ.
- Thường xuyên nạo vét hố giảm tốc, mương thoát nước mưa và suối cạn hiện trạng phía Tây mỏ đảm bảo giảm nguy cơ sa bồi, gây ảnh hưởng đến việc thoát nước tại khu vực.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và chuyển giao cho đơn vị xử lý.

5.2. Các giám sát khác:

- Giám sát sạt lở, an toàn giao thông trong quá trình khai thác, vận chuyển đất.
- Tần suất quan trắc: thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không./.